TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 01 - 2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Biền Ngân
2. Ông Võ Xuân Nghi

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Quang Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2025/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H - Sinh năm: 1991

Nơi cư trú: Thôn M, xã N, tỉnh Quảng Trị

2. Bị đơn: Anh Mai Sỹ C - Sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt (Nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn vắng mặt (Nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Mai Sỹ C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (Nay là Uỷ ban nhân dân xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 07 tháng 02 năm 2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không có hạnh

phúc. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh C không chịu làm ăn nên vợ chồng bất đồng quan điểm. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân 4 năm. Hiện tại chị thấy tình cảm của mình đối với anh C thực sự không còn nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn với anh C để sớm ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống, chị và anh C có 01 con chung, tên là Mai Đan N, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2021. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, vợ chồng không có tài sản chung

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập nhiều lần cho anh C nhưng anh C không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N và Công an xã N cho thấy: Hiện tại anh C có mặt tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã N cũng đã nhận được các văn bản tố tụng nói trên của Tòa án và đã tống đạt trực tiếp cho anh C. Tuy nhiên, anh C không có mặt theo các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết vụ án

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 24/12/2025, đã gửi giấy triệu tập đến phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh C, tuy nhiên, do anh C vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tòa án triệu tập anh C đến phiên tòa lần thứ hai vào ngày 09/01/2026, trước đó đã thực hiện các thủ tục niêm yết Giấy triệu tập đến phiên toà, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh C, nhưng tại phiên tòa anh C vẫn tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

-Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm; nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa vắng mặt chị Trần Thị H và anh Mai Sỹ C. Tuy nhiên, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh C đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị H và anh Mai Sỹ C

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Mai Sỹ C.

+ Về con chung: Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho chị Hiệp được quyền nuôi dưỡng con chung Mai Đan N, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2021. Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016, buộc chị Hiệp phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Mai Sỹ C, như vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn anh có nơi cư trú tại xã N, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

-Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt chị Trần Thị H và anh Mai Sỹ C. Trước khi mở phiên tòa, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh C mặc dù đã được Tòa án triệu tập và niêm yết Giấy triệu tập đến phiên toà, nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị H và anh Mai Sỹ C

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị H và anh Mai Sỹ C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (Nay là Uỷ ban nhân dân xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 07 tháng 02 năm 2021 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh C không chăm lo làm ăn nên vợ chồng bất đồng quan điểm và sống ly thân đã 4 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm của mình đối với anh C thực sự không còn nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn với anh C để sớm ổn định cuộc sống.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Mai Sỹ C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, thời gian sống ly thân đã lâu, nên cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn đối với anh Mai Sỹ C là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống, chị H và anh C có 01 con chung, tên là Mai Đan N, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2021. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy, chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hiện nay con đang còn nhỏ cần được sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh C cũng không có ý kiến, nguyện vọng gì về quyền giành nuôi con. Vì vậy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Do chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị H và anh Mai Sỹ C.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị H, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Mai Sỹ C.

3. Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị Trần Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Mai Đan N, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2021. Anh Mai Sỹ C không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001676, ngày 12/11/2025. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H và anh Mai Sỹ C đều vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 3;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.